TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;

2. Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ D, ấp H, xã H, huyện P, An Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố H, Đồng Tháp.

cả đều vắng mặt, ông Huỳnh Văn T có đơn xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị Kiều O vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kiều O do mai mối rồi kết hôn, có làm đám cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/03/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ ông không muốn chung sống hòa thuận với các thành viên trong gia đình ông, hỗn hào và có thái độ không tôn trọng những người thân bên phía gia đình ông. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ ông có lên Bình Dương để làm công nhân, ông thì ở quê vừa đi làm vừa chăm sóc mẹ già năm nay đã hơn 70 tuổi. Vấn đề này hai vợ chồng ông đã thống nhất cùng nhau và cũng được anh chị em trong gia đình đồng thuận. Trong thời gian này ông và vợ ông vẫn chung sống hòa thuận. Cho đến năm 2021 Dịch bệnh Covid bùng phát, vợ ông xin nghỉ việc tại Bình Dương và về quê sống cùng ông và mẹ chồng. Do mất việc làm nên kinh tế của hai vợ chồng dần dần không ổn định. Trong thời gian này vợ ông còn chơi số đề nên mới nảy sinh nợ nần. Ông đã đứng ra trả hết số nợ này cho vợ ông. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và kể từ đây vợ ông cũng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn với người thân của ông. Vợ ông khi sống trong gia đình chỉ biết một ngày nấu ba bữa, không hề nói chuyện với mẹ chồng hoặc khi gặp anh, chị, em, con cháu đến nhà cũng không thưa gửi, không nói chuyện và có thái độ không tôn trọng. Sống trong gia đình, ông là chồng cũng đã rất nhiều lần khuyên răn vợ mình nên cố gắng hòa thuận với mẹ chồng và các anh chị em. Thế nhưng vợ ông vẫn cố chấp, nhất quyết không muốn chung sống hòa thuận với gia đình ông. Nay ông yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều O. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều O: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện "Ly hôn" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T có đơn xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị Kiều O đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt

không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T với bà Nguyễn Thị Kiều O.

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn T với bà Nguyễn Thị Kiều O là hôn nhân hợp pháp vì ông, bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/03/2012 theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều O, từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà O là trầm trọng, vì ông T đã gửi đơn khởi kiện một lần tại Toà án, sau đó rút đơn để nhằm tạo điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi được gì. Do đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn T với bà Nguyễn Thị Kiều O là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Đ a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Văn T với Nguyễn Thị Kiều O.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Buộc ông Huỳnh Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0684 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
TÒA
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Phương Thảo